

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thi Hương Giang.

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Bà Cáp Thị Quyên – Bí thư đoàn xã Hợp Đức.
2. Bà Giáp Thị Hiền – Chủ tịch Hội chữ thập Đỏ huyện T.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023. Về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).
2. Bị đơn: Chị Chu Thị Phương Th, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị Phương Th kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu thời gian ngắn khoảng 01 tuần (tức 7 ngày) trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T ngày 11/3/2014. Sau khi kết hôn anh và chị Th về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh tại thôn N, xã Ng. Sau đó vợ chồng anh vào trong thành phố Hồ Chí Minh ở cùng bố mẹ anh để làm ăn kinh tế và có 02 con. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hòa

thuận, hạnh phúc, năm 2015 mở cửa hàng buôn bán rau củ quả. Đến đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu có rạn nứt, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế buôn bán, do làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng cãi, chửi nhau, chị Th không tôn trọng anh hay có những lời nói khiếm nhã với anh. Từ đó đến nay cuộc sống của anh luôn căng thẳng, áp lực, tuy nhiên nghĩ vì con nên anh vẫn vén hạnh phúc gia đình, nhưng chị Th không thay đổi tính nết, vợ chồng bằng mặt nhưng không bằng lòng. Đến đầu năm 2022, vợ chồng đầu tư làm ăn lớn nhưng thua lỗ nên hai bên mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bố mẹ anh sau đó có về quê sinh sống, đến tháng 7 năm 2022, anh về chăm sóc bố ốm, đến tháng 12/2022 chị Th về nhà anh sinh sống, hai vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh, tuy nhiên vợ chồng anh sinh hoạt riêng không liên quan đến nhau. Chị Th muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên chị Th lại cho rằng anh có quan hệ ngoại tình là không đúng, bản thân anh khẳng định nguyên nhân dẫn đến việc anh xin ly hôn với chị Th là do hai vợ chồng, anh không có quan hệ ngoại tình với bất kỳ người phụ nữ nào. Anh là người đàn ông, là người bố và đủ nhận thức được gia đình luôn là điều quan trọng nhất đối với mỗi người, nhưng đến nay cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị Phương Th.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phạm Hoàng Hải N, sinh ngày 14/02/2015, Phạm Hoàng Hải Ph, sinh ngày 21/3/2017, hiện các con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh, ông bà nội. Ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh trực tiếp nuôi hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh làm công việc buôn bán, ở nhà phụ giúp bố mẹ thu mua sắt vụn và các công việc khác, thu nhập bình quân là 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng)/tháng. Gia đình anh có hai anh em, có một em gái đi lấy chồng, nay ba bố con anh ở cùng bố mẹ đẻ.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Chu Thị Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh Phạm Văn Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc và gia đình nhà chồng yêu quý chị. Nguyên nhân anh Th xin ly hôn là do anh Th có quan hệ ngoại tình, nên chị không đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Hoàng Hải N, sinh ngày 14/02/2015 và Phạm Hoàng Hải Ph, sinh ngày 21/3/2017, vì chị không đồng ý ly hôn, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Chu Thị Phương Th.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Th trực tiếp nuôi hai con là Phạm Hoàng Hải N, sinh ngày 14/02/2015, Phạm Hoàng Hải Ph, sinh ngày 21/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Chu Thị Phương Th có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Anh Phạm Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Chu Thị Phương Th nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th đã nhận thông báo thụ lý vụ án số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, chị Th đã có bản tự khai và đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Th, tuy nhiên chị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn Th và chị Chu Thị Phương Th kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang ngày 11/3/2014. Do vậy hôn nhân giữa vợ chồng anh Th và chị Th là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Th thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, có xảy ra xung đột, cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Tại các biên bản xác minh, làm việc với chính quyền địa phương, người thân chị Th cho biết: Vợ chồng anh Th, chị Th có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do làm ăn kinh tế gia đình, từ cuối năm 2022 tuy vợ chồng sống cùng nhà nhưng sinh hoạt riêng, địa phương không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc anh Th có quan hệ ngoại tình. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng anh Th và chị Th đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích nêu trên, cần xử anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Chu Thị Phương Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Th và chị Th thừa nhận có hai con Phạm Hoàng Hải N, sinh ngày 14/02/2015, Phạm Hoàng Hải Ph, sinh ngày 21/3/2017, hiện các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh Th, ông bà nội, con chung Phạm Hoàng Hải N khai nguyện vọng muốn ở cùng bố. Bên cạnh đó anh Th có nơi ở và có thu nhập ổn định, nhà gần trường học. Căn cứ vào biên bản xác minh, làm việc tại địa phương cho biết chị Th hiện nay đã làm ăn xa không có mặt tại nơi cư trú, để các con có cuộc sống ổn định, không bị sáo trộn nên cần giao hai con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác*: Anh Th và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Toà án. Anh Phạm Văn Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Chu Thị Phương Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Th trực tiếp nuôi hai con là Phạm Hoàng Hải N, sinh ngày 14/02/2015, Phạm Hoàng Hải Ph, sinh ngày 21/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Chu Thị Phương Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tại biên lai thu số: 0012021 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Hương Giang

